

Số: 743 /KH-UBND

Gia Lai, ngày 28 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình số 99-CTr/TU, ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Chương trình số 99-CTr/TU, ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (gọi tắt là Chương trình số 99-CTr/TU và Nghị quyết số 42-NQ/TW); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 99-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Làm cơ sở để các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) và Chương trình hành động số 99-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 99-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả từ tỉnh đến cơ sở, sát với yêu cầu, nhiệm vụ và đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương. Xác định các nhiệm vụ chủ yếu, giải pháp cụ thể đối với các cấp, các ngành bảo đảm thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã

hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh

Trong quá trình thực hiện phải phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị; phát huy vai trò của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc với Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai tốt hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân trên địa bàn tỉnh, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; quan tâm đến người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 2,5%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ 25%; khoảng 30% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và khoảng 25% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 97%, cấp trung học phổ thông tối thiểu đạt 65%; phấn đấu 90% số huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2. Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 74 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm cao trong khu vực; 30 giường bệnh viện/vạn dân, số bác sĩ đạt 10 bác sĩ/vạn dân, số dược sĩ đạt 1,2 dược sĩ/vạn dân, số điều dưỡng đạt 25 điều dưỡng viên/vạn dân; trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 97%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Xây dựng được ít nhất 3.700 căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân tại đô thị đạt khoảng 35,4 m² sàn/người; diện tích nhà ở bình quân tại nông thôn đạt khoảng 19,6 m² sàn/người; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Có ít nhất 80% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, 100% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thụ hưởng và tham gia các hoạt động văn hoá, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa cấp tỉnh; phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp huyện có trung tâm văn hóa, thông tin và Thể thao đạt chuẩn; 80% xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hoá - thể thao đạt chuẩn theo quy định; 100% khu dân cư có nhà văn hóa - khu thể thao, trong đó có 60% khu dân cư có nhà văn hóa - khu thể thao đạt chuẩn theo quy định; ít nhất 85% các địa phương, cơ quan, đơn vị đạt được các danh hiệu văn hóa trong phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” và cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; 100% di tích quốc gia đặc biệt và ít nhất 80% di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh được tu bổ, tôn tạo; ít nhất 70% di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được xây dựng đề án, chương trình bảo vệ và phát huy giá trị.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; chính quyền cấp cơ sở tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chương trình hành động số 99-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch thực hiện ở các cấp, các ngành, địa phương; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng cường tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 99-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 99-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong phạm vi phụ trách.

- Các ngành, các địa phương chủ động phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền, phổ biến về Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình hành động số 99-CTr/TU của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản có liên quan; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng nhiều hình thức, phương thức tuyên truyền, vận động phù hợp với từng đối tượng, tạo nhận thức sâu sắc trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân về thực hiện chính sách xã hội.

2. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, chính quyền cấp cơ sở tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhân dân trên địa bàn tỉnh, nhất là người đứng đầu. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy kết quả, thành tựu của tỉnh trong triển khai thực hiện chính sách xã hội và những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

3. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, chính quyền cơ sở nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội từ tỉnh đến cơ sở theo quy định của Trung ương và điều kiện thực tế của địa phương; tăng cường vai trò giám sát của nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

- Hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

- Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hoá, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

4. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người có công ở vùng sâu, vùng xa, người có công gặp khó khăn trong cuộc sống, người có công là đồng bào dân tộc thiểu số. Sở Nội vụ, các địa phương thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục - đào tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Cấp ủy, chính quyền địa phương bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Giải quyết dứt điểm chính sách đối với các trường hợp đề nghị xác nhận là người có công với cách mạng còn vướng mắc, bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Tiếp tục tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin. Cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, bố trí kinh phí và huy động nguồn lực xã hội hóa để xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ. Phát huy truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể các cấp tăng cường tuyên truyền, khuyến khích tổ chức, cá nhân và nhân dân trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa".

5. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

- Ngành Y tế và cấp ủy, chính quyền các địa phương đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi toàn tỉnh, nhất là đối với một số địa bàn và nhóm dân cư. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng; tham gia hoàn thiện khung chính sách quốc gia thích ứng với quá trình già hoá dân số; đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá, đa dạng hoá phương thức giáo dục, đào tạo. Ngành Giáo dục và Đào tạo tham mưu thực hiện phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời; định kỳ bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Quan tâm xây dựng phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo tiếp cận năng lực tiêu chuẩn quốc tế và trường chất lượng cao.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và chính quyền địa phương tăng cường tổ chức các hoạt động định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Trọng tâm là tiếp tục quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện tốt Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”; Chỉ thị số 41-CTr/TU ngày 28/6/2023 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Nội vụ, ngành Khoa học và Công nghệ tham mưu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; Xây dựng kế hoạch cụ thể để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp. Sở Nội vụ tham mưu thực hiện tốt chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ.

- Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngành Nội vụ vận hành sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030.

- Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Ngành Nội vụ tham mưu hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội. Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc

làm. Đầu tư, nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm dịch vụ việc làm, các tổ chức tham gia hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ việc làm.

- Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải phóng sức sản xuất, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Các địa phương thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hoá dân số. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện mở rộng tín dụng chính sách xã hội theo hướng dẫn của Trung ương nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Các địa phương, doanh nghiệp thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công và các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

6. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

- Xây dựng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội. Bảo hiểm xã hội khu vực XXVI (tại Gia Lai) tham mưu phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động; tiếp tục cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tham gia chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm xã hội và các địa phương thực hiện tốt chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khoẻ nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng khó khăn, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Ngành Bảo hiểm xã hội và Ngành Y tế nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; thực hiện tốt Bộ chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia khi Trung ương ban hành; quản lý an toàn, hiệu quả Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm y tế. Tham gia sửa đổi chính sách bảo hiểm xã hội một lần phù hợp với thực tiễn, gắn với an sinh xã hội. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp trong nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động để duy trì việc làm bền vững; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

- Triển khai thực hiện tốt hệ thống trợ giúp xã hội, quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, sàn an sinh xã hội quốc gia, đảm bảo không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội trung ương quy định; Nhà nước ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Sở Y tế, cấp ủy, chính quyền cơ sở thực hiện phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể các cấp đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

- Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trọng tâm là tiếp tục quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động số 10-CTr/TU, ngày 23/8/2021 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai cơ chế phân cấp thực hiện trọn gói các Chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện theo quy định của Trung ương.

7. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

a) Về giáo dục:

Ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực hiện bảy kế hoạch của ngành giáo dục và Đào tạo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua: *Kế hoạch phát triển giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (2) Kế hoạch thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (3) Kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày cấp tiểu học giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; (4) Kế hoạch Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai; (5) Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2021-2025; (6) Kế hoạch thực hiện Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục MN giai đoạn 2021-2025; (7) Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo*

của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2021-2025) của tỉnh Gia Lai; tham mưu hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo. Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thu hút nguồn lực thực hiện xã hội hóa giáo dục, đào tạo. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh giai đoạn 2021-2030.

b) Về y tế:

Ngành Y tế tham mưu xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khoẻ cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khoẻ tâm thần, chăm sóc sức khoẻ phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khoẻ định kỳ cho nhân dân; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình. Tăng cường chuyên đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khoẻ điện tử, bảo hiểm y tế. Triển khai Đề án “Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 22/7/2023; Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Chuyên đề 16: Thực trạng và phương án phát triển dịch vụ chăm sóc sức khỏe và cơ sở hạ tầng mạng lưới y tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*).

c) Về phát triển văn hoá:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cấp ủy, chính quyền cơ sở tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển văn hóa trong quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh và tập trung triển khai các nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục lối sống trong gia đình Việt Nam. Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 19/02/2021 của Tỉnh ủy Gia Lai về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước giai đoạn 2021-2025"; Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 1908/KH-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 10/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 2022-2026 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 859/KH-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai để giới thiệu, quảng bá hình ảnh mảnh đất và con người Gia Lai với các địa phương trong và ngoài nước, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm phong phú và sâu sắc thêm những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương.

- Quan tâm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, gắn với Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Chú trọng đề cao văn hóa gia đình, tạo môi trường quan trọng nhằm tạo dựng và bồi dưỡng nhân cách, đạo đức, lối sống, thể lực, trí lực cho con người; xây dựng môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh; kết hợp nhuần nhuyễn giữa giáo dục kiến thức khoa học với giáo dục tư tưởng, nhân cách, bồi dưỡng tâm hồn, lối sống. Xây dựng nếp sống văn hóa, tiến bộ, văn minh đô thị nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội; chấn chỉnh kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá mê tín dị đoan, gây mất an ninh xã hội.

- Đổi mới và đa dạng hóa nội dung và phương thức tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, vui chơi giải trí gắn với thực tiễn đời sống xã hội và nhu cầu của người dân trong đó chú trọng tổ chức các liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng, ngày hội văn hóa, thể thao... tạo điều kiện để người dân tham gia hoạt động sáng tạo, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của địa phương. Chú trọng phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh theo nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 10/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

- Huy động sự đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Nhân dân để xây dựng và tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, bảo tồn, tôn tạo di tích và các hoạt động văn hóa, nghệ thuật khác. Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch.

- Nâng cao chất lượng công tác sưu tầm, nghiên cứu, kiểm kê, phân loại di sản văn hóa phi vật thể; lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể, nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh "Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên" góp phần quảng bá hình ảnh và con

người Gia Lai đặc biệt cần triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2025.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về thị trường văn hóa, công nghiệp văn hóa; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, các sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường mức đầu tư ngân sách tỉnh cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật tại các địa phương; đồng thời cân đối ngân sách đầu tư các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác.

d) Về thông tin:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh chính quyền cơ sở thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở đến người dân trên địa bàn tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số. Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số; Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cụm Thông tin cơ sở của khâu Quốc tế Lê Thanh để phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền”.

đ) Về nhà ở:

- Nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị, nhất là chính quyền địa phương trong thực hiện chủ trương của Đảng và Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã

hội và thu nhập. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về nhà ở xã hội; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên. Nhà nước có chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội cho một số đối tượng khó khăn; chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

- Sở Xây dựng, chính quyền cơ sở triển khai tốt các chính sách hỗ trợ người dân làm nhà ở, phấn đấu đến năm 2030: Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh phấn đấu đạt khoảng 25,9m² sàn/người. Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”, phấn đấu đến năm 2030 toàn tỉnh xây dựng 3.700 căn nhà ở xã hội.

e) Về nước sạch, vệ sinh môi trường:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các địa phương tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức thực thi các chính sách, pháp luật về bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn hán, ô nhiễm nguồn nước; phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 81%. Thực hiện tốt chính sách cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác.

- Chính quyền địa phương cơ sở thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp đủ mạnh để giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các đô thị lớn, khu vực nông thôn, miền núi.

8. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

- Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân tộc thiểu số. Ngành Nội vụ, ngành Y tế tham mưu xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội trên địa bàn tỉnh hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa trên địa bàn tỉnh. Các địa phương tuyên truyền, phát triển mạng lưới

dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

9. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm từ các địa phương trong nước và quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

- Thực hiện tốt các tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, việc làm và an sinh xã hội mà Việt Nam cam kết. Khai thác có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên cho thực hiện chính sách xã hội. Phấn đấu thực hiện tốt công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu là quốc gia tiên phong trong chương trình thúc đẩy toàn cầu về việc làm và an sinh xã hội hướng tới chuyển đổi công bằng theo sáng kiến của Liên hợp quốc và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO); tranh thủ nguồn lực quốc tế góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Tăng cường hợp tác song phương, đa phương; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho chính sách xã hội của tỉnh.

- Các sở, ban, ngành của tỉnh đẩy mạnh chuyên giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh để tham gia thị trường lao động trong nước và xuất khẩu lao động, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích và cạnh tranh quốc tế. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường xuyên biên giới.

10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

- Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; chính quyền cấp cơ sở phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội quần chúng trên địa bàn tỉnh hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của

Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ vào Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời, triển khai các nội dung sau:

1. Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị, địa phương liên quan:

- Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và các phụ lục đính kèm, Giám đốc các sở, ban, ngành, Thủ trưởng các đơn vị, địa phương khẩn trương chỉ đạo thực hiện; xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương mình; cụ thể hoá thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị, địa phương đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, đạt chỉ tiêu đề ra.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Sở Y tế trước ngày 25/11 hàng năm để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của ngành, địa phương mình; kịp thời xử lý hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc.

- Đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị mình.

- Trong quá trình thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn gửi Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Y tế:

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo gửi Bộ Y tế trước ngày 05/12 hàng năm.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội; cấp ủy cơ sở

- Chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, bám sát các mục tiêu của Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động số 99-CTr/TU và Kế hoạch này để tổ chức triển khai, thực hiện.

- Thường xuyên giám sát, đánh giá và đóng góp ý kiến xây dựng mục tiêu, hành động của cơ quan chức năng các cấp trong tỉnh nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết, Chương trình hành động.

(Đính kèm các phụ lục I, II)

Đối với các nhiệm vụ giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sau khi thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 27/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị sẽ được chuyển giao nhiệm vụ về Ủy ban nhân dân cấp xã, phường theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình số 99-CTr/TU, ngày 16/01/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch; định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) và đột xuất, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế) để tổng hợp, báo cáo. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc, kịp thời phối hợp với Sở Y tế để xử lý theo thẩm quyền; nếu vượt thẩm quyền báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các hội, đoàn thể của tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH, KTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Lịch